

Bản án số: **54/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/01/2022

V/v tranh chấp: **Ly hôn**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Đặng Như H
2. Bà Nguyễn Thị Hồng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 434/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về “**Tranh chấp ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXX-ST ngày 06/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1972***

Nơi cư trú: Khu B, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương- Có mặt tại phiên tòa

***2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng H - sinh năm 1973***

Nơi cư trú: Số 13, ngõ 358/55/20 phố B, phường K, quận Thanh Xuân, Hà Nội - Vắng mặt tại phiên tòa

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đăng H ngày 09/11/2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ hai của anh chị. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H ở Số 13, ngõ 358/55/20 phố B, phường K, quận Thanh Xuân, Hà Nội khoảng 6 - 7 tháng thì chị về quê tại thị xã K, Hải Dương sống, anh H cũng về theo. Quá trình chung sống ở quê được khoảng 2 - 3 tháng, giữa chị và anh H nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh H thường xuyên uống rượu về đánh đập chị, gia

đình, hàng xóm phải can ngăn, đuổi anh H đi. Anh H bỏ ra M, Quảng Ninh làm thợ xây một thời gian rồi về Hà Nội sống cùng gia đình. Chị và anh H sống ly thân từ tháng 11/2020. Chị đã tìm đến bố mẹ anh H nhờ can thiệp nhưng không được giúp đỡ. Từ đó đến nay, chị và anh H không liên lạc, không gặp gỡ nhau. Vì vậy, chị không biết anh H đi cai nghiện tập trung từ khi nào và bao giờ thì hết thời gian cai nghiện.

Nay chị xin ly hôn anh H vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Chị và anh H không có tài sản, nhà đất chung. Quá trình ở cùng gia đình anh H, chị cũng không có đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình chồng nên nay ly hôn, chị không có yêu cầu, đề nghị gì về tài sản.

Về nợ chung: Chị và anh H không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

**- Bị đơn là anh Nguyễn Đăng H trình bày:** Anh và Chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 09/11/2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ hai của anh và chị T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại Số 13, ngõ 358/55/20 phố B, phường K, quận Thanh Xuân, Hà Nội khoảng 01 năm thì chị T nói muốn chuyển về quê làm ăn nên anh cũng đồng ý và về cùng chị T. Ở quê được vài tháng thì giữa anh và chị T xảy ra mâu thuẫn, anh ra Quảng Ninh làm ăn. Từ đó đến nay, vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn nhưng anh đề nghị Tòa án cho anh thêm thời gian để anh có điều kiện về giải quyết trực tiếp với chị T (hiện nay anh còn 28 ngày nữa là hết thời gian cai nghiện).

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, nhà đất chung : Anh và chị T không có tài sản chung.

Về các khoản nợ chung: Không có.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

**- Chị T trình bày:** Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh H vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, từ tháng 11/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, ai có cuộc sống riêng của người đó nên chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống; Về con chung, tài sản, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa có quan điểm:**

**- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:** Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị T, bị đơn là anh Nguyễn Đăng H, có địa chỉ nơi cư trú tại quận Thanh Xuân, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận

Thanh Xuân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97, 102 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án theo đúng quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành mở phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ theo quy định tại các Điều 208 - 211 Bộ luật tố tụng dân sự; Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Mục 1.1 Khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết: Chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị T. Chị T được ly hôn với anh H; Về con chung: Anh chị không có con chung; Về tài sản chung, nhà ở chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét;

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

- *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Đăng H (có địa chỉ cư trú: Số 13, ngõ 358/55/20 phố B, phường K, quận Thanh Xuân, Hà Nội), căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Bị đơn - anh Nguyễn Đăng H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

## **[2] Về nội dung:**

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đăng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận Thanh Xuân, Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119 ngày 09/11/2019 của Ủy ban nhân dân phường K, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, chị T trình bày do anh H hay uống rượu, về đánh đập chị nên chị và gia đình không chấp nhận, đuổi anh H đi. Từ tháng 11/2020 đến nay, anh chị sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của anh H, anh cũng xác nhận tình cảm vợ chồng của anh với chị T không còn nhưng đề nghị Tòa án tạo điều kiện về mặt thời gian để anh hết thời gian cai nghiện tập trung sẽ đến Tòa án để giải quyết.

Tuy nhiên, sau khi anh H trở về địa phương, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh H không đến, thể hiện thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ vợ chồng của anh H đối với chị T không có.

Hơn nữa, trong khoảng thời gian anh chị sống ly thân, anh H, chị T mỗi người sống một nơi, không ai không có ý thức trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng để duy trì hôn nhân.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị T, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị thống nhất xác nhận vợ chồng không có con chung nên không xét

Về tài sản chung (động sản+ bất động sản) chung: Anh chị thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh chị đều xác nhận không có khoản nợ chung nào nên không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 Khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 Khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14;

**Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Đăng H

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đăng H

[2]. Về con chung: Không có

[3]. Về tài sản chung (gồm động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Anh chị thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006990 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án sơ thẩm.

**Nơi nhận :**

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Thanh Xuân
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS Q. Thanh Xuân
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Đỗ Thị Diệu Thúy***



**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN**                      **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đỗ Thị Diệu Thúy***

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hoàng Mai
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án

***Đỗ Thị Diệu Thúy***